

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÝ VĂN QUYỀN

**PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM
DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÝ VĂN QUYỀN

**PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM
DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 62 38 01 05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lê Thị Sơn

PGS.TS Dương Tuyết Miên

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Lý Văn Quyền

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	1
TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	4
PHẦN NỘI DUNG	27
<i>Chương 1: TÌNH HÌNH TỘI PHẠM DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2003 - 2012</i>	27
1.1. Thực trạng của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	27
1.2. Diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	56
<i>Chương 2: NGUYÊN NHÂN CỦA TỘI PHẠM DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM</i>	71
2.1. Nguyên nhân về kinh tế - xã hội.	72
2.2. Nguyên nhân về văn hóa, giáo dục	79
2.3. Nguyên nhân trong quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội	89
2.4. Nguyên nhân trong hoạt động chống tội phạm và giáo dục, cải tạo phạm nhân nữ.	93
<i>Chương 3: DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM</i>	102
3.1. Dự báo tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện	102
3.2. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm	106
PHẦN KẾT LUẬN	144
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	149
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	150
PHỤ LỤC	157

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHSVN	: Bộ luật Hình sự Việt Nam
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng Hình sự
GS	: Giáo sư
HSST	: Hình sự sơ thẩm
MĐGTBQ	: Mức độ gia tăng bình quân
NCTNPT	: Người chưa thành niên phạm tội
Nxb	: Nhà xuất bản
PGS.	: Phó giáo sư
Tr.	: Trang
TS	: Tiến sĩ
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
THCS	: Trung học cơ sở
THTP	: Tình hình tội phạm
UBND	: Ủy ban nhân dân
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
1.1	Số bị cáo nữ đã bị xét xử sơ thẩm ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	29
1.2	Chỉ số người phạm tội nữ (2003 - 2012)	30
1.3	Chỉ số người phạm tội nam (2003 - 2012)	31
1.4	Cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện theo các nhóm tội	36
1.5	Cơ cấu của tội phạm do nam giới thực hiện theo các nhóm tội	37
1.6	Cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện theo tội danh	39
1.7	Cơ cấu của tội phạm do nữ thực hiện theo địa bàn phạm tội	42
1.8	Cơ cấu của tội phạm do người nữ giới thực hiện theo 4 loại tội phạm	42
1.9	Cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện theo hình thức thực hiện tội phạm	43
1.10	Cơ cấu theo loại hình phạt	44
1.11	Cơ cấu theo động cơ phạm tội	45
1.12	Cơ cấu theo độ tuổi	46
1.13	Cơ cấu theo nghề nghiệp	47
1.14	Cơ cấu theo trình độ học vấn	48
1.15	Cơ cấu theo tái phạm	49
1.16	Cơ cấu theo hoàn cảnh kinh tế	50
1.17	Cơ cấu theo hậu quả của tội phạm	52
1.18	Cơ cấu theo loại nạn nhân	53
1.19	Diễn biến của số người phạm tội nữ ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	57
1.20	So sánh diễn biến của số người phạm tội nữ và số người phạm tội nam ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	59
1.21	Diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012 theo các chương của BLHS	61
1.22	Diễn biến của các tội phạm do nữ giới thực hiện phổ biến nhất ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	63
1.23	Diễn biến của số người phạm tội nữ là người chưa thành niên ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	67

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Số hiệu biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
1.1	So sánh số bị cáo nữ và số bị cáo nam đã bị xét xử sơ thẩm ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	29
1.2	Cơ cấu của tội phạm do người nữ giới thực hiện theo 4 loại tội phạm	43
1.3	Cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện theo hình thức thực hiện tội phạm	43
1.4	Cơ cấu theo loại hình phạt	44
1.5	Cơ cấu theo động cơ phạm tội	45
1.6	Cơ cấu theo độ tuổi	46
1.7	Cơ cấu theo nghề nghiệp	47
1.8	Cơ cấu theo trình độ học vấn	48
1.9	Cơ cấu theo tái phạm	49
1.10	Cơ cấu theo hoàn cảnh kinh tế	50
1.11	Cơ cấu theo hậu quả của tội phạm	52
1.12	Cơ cấu theo loại nạn nhân	54
1.13	Diễn biến của số người phạm tội nữ ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	57
1.14	So sánh diễn biến của số người phạm tội nữ và số người phạm tội nam ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	60
1.15	Diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012 theo các chương của BLHS, có xu hướng tăng với mức độ cao	62
1.16	Diễn biến của các tội phạm do nữ giới thực hiện phổ biến nhất ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012, có xu hướng tăng với mức độ cao	64
1.17	Diễn biến của số người phạm tội nữ là người chưa thành niên ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012	67

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

	Trang
Phụ lục 1: Cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện theo tội danh	157
Phụ lục 2: Cơ cấu của tội phạm theo giới tính người phạm tội trong từng tội danh	158
Phụ lục 3: Cơ cấu của tội phạm do nữ thực hiện theo địa bàn phạm tội	160
Phụ lục 4: Phiếu trưng cầu ý kiến	162
Phụ lục 5: Kết quả chạy SPSS 368 phiếu hỏi phạm nhân nữ	168

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nữ giới ở Việt Nam là một lực lượng căn bản, nguồn nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển toàn diện xã hội. Trải qua hàng nghìn năm xây dựng vì sự toàn vẹn lãnh thổ, đấu tranh chống thiên tai, duy trì nòi giống, phụ nữ Việt Nam luôn phát huy những đức tính quý báu mang đậm bản sắc truyền thống như đức tính tần tảo, chịu khó, biết hi sinh vì chồng con, coi trọng cuộc sống gia đình, coi trọng hôn nhân.

Ở Việt Nam, nữ giới chiếm 51% lực lượng lao động trong đó nữ giới ở nông thôn vẫn đóng vai trò chính trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; bên cạnh đó, nữ giới (nhất là phụ nữ) vẫn đóng vai trò chính trong công việc gia đình và nuôi dạy con cái, phụng dưỡng cha mẹ khi về già. Xã hội ngày càng phát triển, nữ giới càng có nhiều cơ hội được học tập, công tác, cải thiện vị trí của mình trong gia đình và xã hội, được cống hiến nhiều hơn cho xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm kể trên, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện đã có xu hướng gia tăng, bộc lộ nhiều đặc điểm nghiêm trọng cả về thực trạng và diễn biến. Vấn đề nữ giới phạm tội ở Việt Nam đã phản ánh khá rõ những đặc điểm về xã hội Việt Nam những năm gần đây cũng như phản ánh được tính riêng biệt về tâm sinh lí giới nữ của những người phạm tội nữ. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, trên phạm vi toàn quốc năm 1995 có 4.151 người phạm tội nữ bị xét xử sơ thẩm hình sự thì đến năm 2002 con số này là 5.603 người, tăng lên 135% so với năm 1995 [80]; Năm 2003 trên phạm vi toàn quốc có 6.543 người phạm tội nữ bị xét xử sơ thẩm hình sự thì đến năm 2007 con số này là 7.231 người, tăng lên 111%, năm 2012 con số này là 6.895 người tăng lên 105 % so với năm 2003. Tính trung bình, mỗi năm có khoảng 6.570 người phạm tội nữ bị xét xử sơ thẩm hình sự [81]. Các tội phạm do nữ giới thực hiện ngày càng đa dạng và xảy ra ở tất cả các địa phương nhưng tập trung chủ yếu là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Các tội phạm do nữ giới thực hiện có mức độ cao hơn cả là tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; tội đánh bạc; tội trộm cắp tài

sản; tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội chứa mại dâm; tội cố ý gây thương tích; tội cướp giật tài sản; tội cướp tài sản; tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; tội môi giới mại dâm; tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tội giết người; tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả và tội mua bán phụ nữ (nay là tội mua bán người).

Trước tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ngày càng phức tạp, hơn nữa từ năm 2003 đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề này trên phạm vi cả nước, do vậy việc nghiên cứu một cách toàn diện vấn đề nữ giới phạm tội ở Việt Nam dưới góc độ tội phạm học là cần thiết nhằm tìm ra giải pháp kiềm chế sự gia tăng và làm giảm tội phạm nói chung cũng như tội phạm do nữ giới thực hiện nói riêng. Vì vậy, tác giả đã chọn và nghiên cứu đề tài: "***Phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam***" làm luận án tiến sĩ.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là đưa ra được hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện để kiềm chế sự gia tăng tội phạm và làm giảm dần nữ giới phạm tội ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề cần xem xét, làm rõ trong quá trình nghiên cứu đề tài này, bao gồm tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện; nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện và các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện.

Về phạm vi nghiên cứu, luận án nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học: Tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong 10 năm từ năm 2003 đến năm 2012.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Xét về mặt lý luận, hầu hết các vấn đề được trình bày, phân tích trong luận án là những vấn đề mới lần đầu tiên được nghiên cứu một cách có hệ thống. Việc nghiên cứu thành công các vấn đề đó có thể được coi là một đóng góp đáng ghi nhận vào tội phạm học Việt Nam.

Về thực tiễn, việc nghiên cứu, đánh giá được các đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện trên phạm vi toàn quốc giai đoạn 2003 -